



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ
THƯƠNG MẠI NAM HOA**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

71/4a, Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 7, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: 08 38982972 Fax: 08 38995143 www.namhoatrs.com

1 THÔNG TIN CHUNG

Tên đăng ký tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

Tên đăng ký tiếng Anh:

NAM HOA TRADING AND PRODUCTION CORPORATION

Tên giao dịch:

NAM HOA CORP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Số : 0303292182 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố hồ chí minh cấp lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 08 tháng 11 năm 2018

Vốn điều lệ:

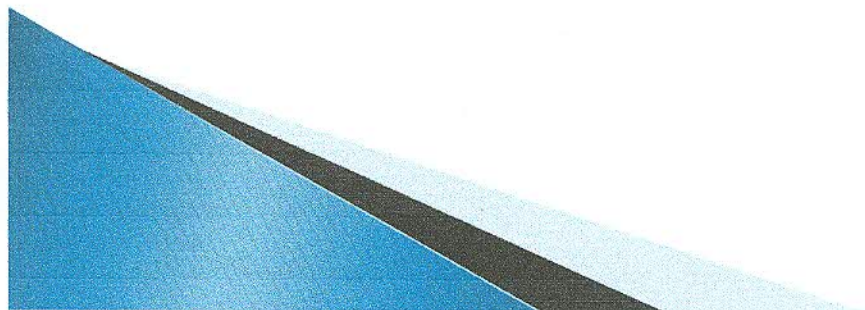
68.632.000.000 đồng

Trụ sở chính:

Số :71/4A Đường HT13., Kp7., Phường Hiệp Thành., Quận 12., Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: 08.37112054 Fax: 08.37112055

Mã số cổ phiếu: NHT

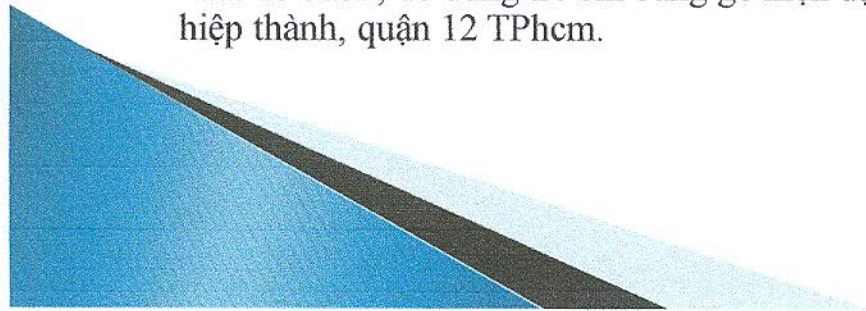


2 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- Công ty Nam Hoa “**Nam Hoa**” được thành lập năm 1993, từ một Công ty thương mại và sản xuất nhỏ. Công ty chuyên kinh doanh và sản xuất các mặt hàng nội thất và đèn trang trí. Với lòng đam mê và sự quyết tâm của Ban lãnh đạo cao nhất công ty đối với lĩnh vực sản xuất ra những sản phẩm đồ chơi giáo dục bằng gỗ phục vụ cho trẻ em. Ban lãnh đạo cao nhất đã định hướng Công ty Nam Hoa tập trung sang lĩnh vực nghiên cứu phát triển mẫu mã và sản xuất đồ chơi trẻ em bằng gỗ trong bối cảnh trong nước chưa có tiền lệ, chưa có doanh nghiệp nào sản xuất mặt hàng này. Kết quả ban đầu đáng khích lệ từ thị trường và khách hàng, “**Nam Hoa**” đã xuất khẩu những lô hàng đầu tiên sang thị trường Hàn Quốc từ 1995 và đến năm 1996, bắt đầu xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản.
- Năm 1999 - 2000 là những năm bước ngoặt của Nam Hoa khi Công ty chủ trương tập trung đầu tư mở rộng sản xuất và chuyên sâu vào lĩnh vực sản xuất đồ chơi và đồ dùng cho trẻ em bằng gỗ, Nam Hoa đã đầu tư xây dựng 1 nhà máy mới tại Quận 12 (Nhà máy 1) và bắt đầu đưa vào hoạt động từ đầu năm 2000. Ngay từ năm đầu tiên nhà máy này đi vào hoạt động, Nam Hoa đã được khách hàng truyền thống ở 2 thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản ủng hộ và đặt hàng liên tục. Cũng trong năm này, Công ty bắt đầu mở rộng thị trường sang Đan Mạch, Na Uy (Bắc Âu) và Tây Ban Nha (Châu Âu);
- Năm 2002, Công ty Nam Hoa đã thiết lập được hệ thống quản lý chất lượng và nhận chứng chỉ ISO 9001: 2000 do TUV cấp.
- Tháng 6/2004, do nhu cầu phát triển thị trường và mở rộng sản xuất, Nam Hoa đã nhận khoản đầu tư từ quỹ MEF. Nguồn đầu tư này được sử dụng để bổ sung đầu tư mở rộng sản xuất, xây dựng nhà máy 2, nâng công suất sản xuất của Công ty tăng lên gấp đôi. Nhà máy này đi vào hoạt động từ tháng 11/2004.
- Ngày 18/04/2004 Công ty tăng vốn điều lệ lên 21.333.000.000 đồng từ nguồn phát hành cổ phần thêm cho nhà đầu tư MEF.

- Từ năm 2004 – 2005: Công ty phải vượt qua những khó khăn lớn từ việc chuyển đổi từ Công ty “TNHH” thành Công ty “Cổ phần”, xây dựng và đưa vào hoạt động nhà máy (NM.2) với qui mô lớn hơn, vấn đề tuyển dụng – đào tạo nhân sự quản lý và tay nghề cho một đội ngũ công nhân hoàn toàn mới (gần 300 người) và một đội ngũ nhân viên quản lý chưa phù hợp với tổ chức của một Công ty cổ phần, việc chuẩn bị phát triển thị trường mới và nhận đơn đặt hàng cũng chưa đáp ứng được kịp thời với yêu cầu phát triển sản xuất. Tuy nhiên, Công ty đã vượt qua được những thử thách trên, đã và đang được cải thiện tốt dần lên từ cuối năm 2005.
- Ngày 16/11/2007 Công ty tăng vốn điều lệ lên 30.139.900.000 đồng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.
- Từ 2007 – 2009 Công ty đã từng bước ổn định được sản xuất và mở rộng thêm thị trường xuất khẩu, cụ thể như: phát triển thị phần của thị trường truyền thống – nhất là thị trường Nhật Bản, một thị trường rất khó tính về chất lượng hàng hóa và cũng đã thâm nhập được vào thị trường Châu Âu (Anh, Pháp, Đức, Đan Mạch, Ý) và thị trường Mỹ.
- Năm 2010 Quỹ đầu tư Japan Viet Nam Growth fun L.P đầu tư mua 1.383.530 cổ phần phát hành thêm từ Công ty.
- Ngày 05/04/2010 Công ty tăng vốn điều lệ lên 45.975.200.000 đồng từ nguồn phát hành cổ phần cho nhà đầu tư Japan Viet Nam Growth LP và từ nguồn phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ , công nhân viên trong công ty.
- Giai đoạn từ năm 2011-2012 do ảnh hưởng tình hình chung trên thế giới nên tình hình kinh doanh của công ty gặp rất nhiều khó khăn.
- Năm 2012 công ty hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất đồ chơi , đồ dùng trẻ em bằng gỗ hiện đại tại số 71/4a, khu phố 7, phường Hiệp thành, quận 12 TP HCM.

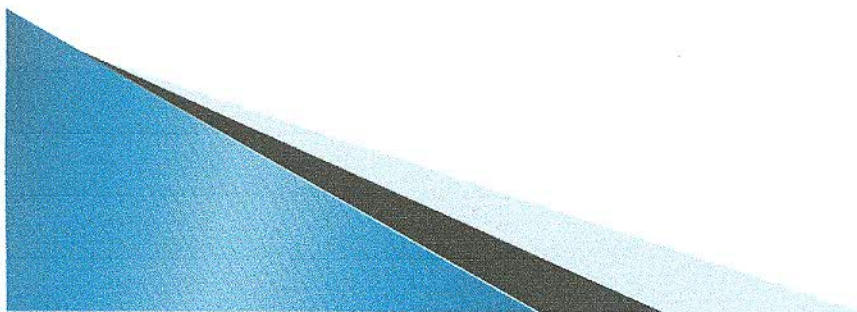
11/01/2011



- Ngày 09/09/2016 Công ty tăng vốn cổ phần lên 54.954.910.000 từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.
- Ngày 01/12/2017 Cổ phiếu NHT của Công ty chính thức giao dịch trên sàn Upcom .
- Ngày 08/11/2018 Công ty tăng vốn cổ phần lên 68.632.000.000 đồng

⋮

11/27/2018 10:11



3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

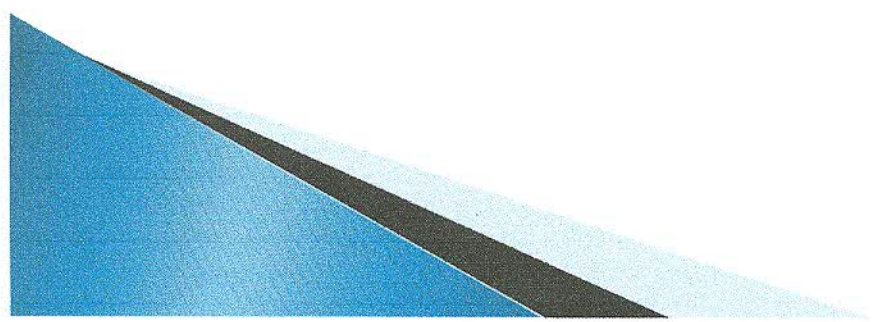
Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất mộc gia dụng và trang trí nội thất – đồ chơi trẻ em bằng gỗ. Sản xuất dụng cụ học tập và giáo dục học đường. Mua bán, cung ứng xuất khẩu: tư liệu sản xuất – vật liệu xây dựng trang trí nội thất – lâm sản chế biến – tư liệu tiêu dùng.

Địa bàn hoạt động

Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và Thương Mại Nam Hoa có trụ sở chính đặt tại Số 71/4A., Đường HT13., KP7., Phường Hiệp Thành ., Quận 12 Thành Phố Hồ Chí Minh

12/11/2011



4 TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tâm nhìn

Trở thành công ty sản xuất sản phẩm đồ chơi trẻ em bằng gỗ và đồ dùng trang trí bằng gỗ lớn nhất khu vực châu á.

Sứ mệnh

Đem lại lợi ích và sự hài lòng cho Khách hàng và người tiêu dùng. Thông qua việc cung cấp những sản phẩm đồ chơi trẻ em bằng Gỗ chất lượng cao cùng với đội ngũ công nhân viên làm việc tận tình và chuyên nghiệp.

Giá trị cốt lõi

Xem lòng tin là trọng tâm của mọi quan hệ.

Xem khách hàng là ân nhân.

Xem nhân viên là tài sản.

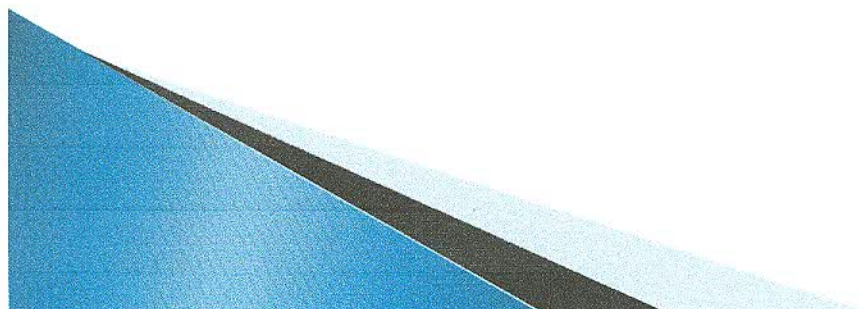
Xem lợi ích cộng đồng là nghĩa vụ.

Xem chất lượng và uy tín là yếu tố sống còn.

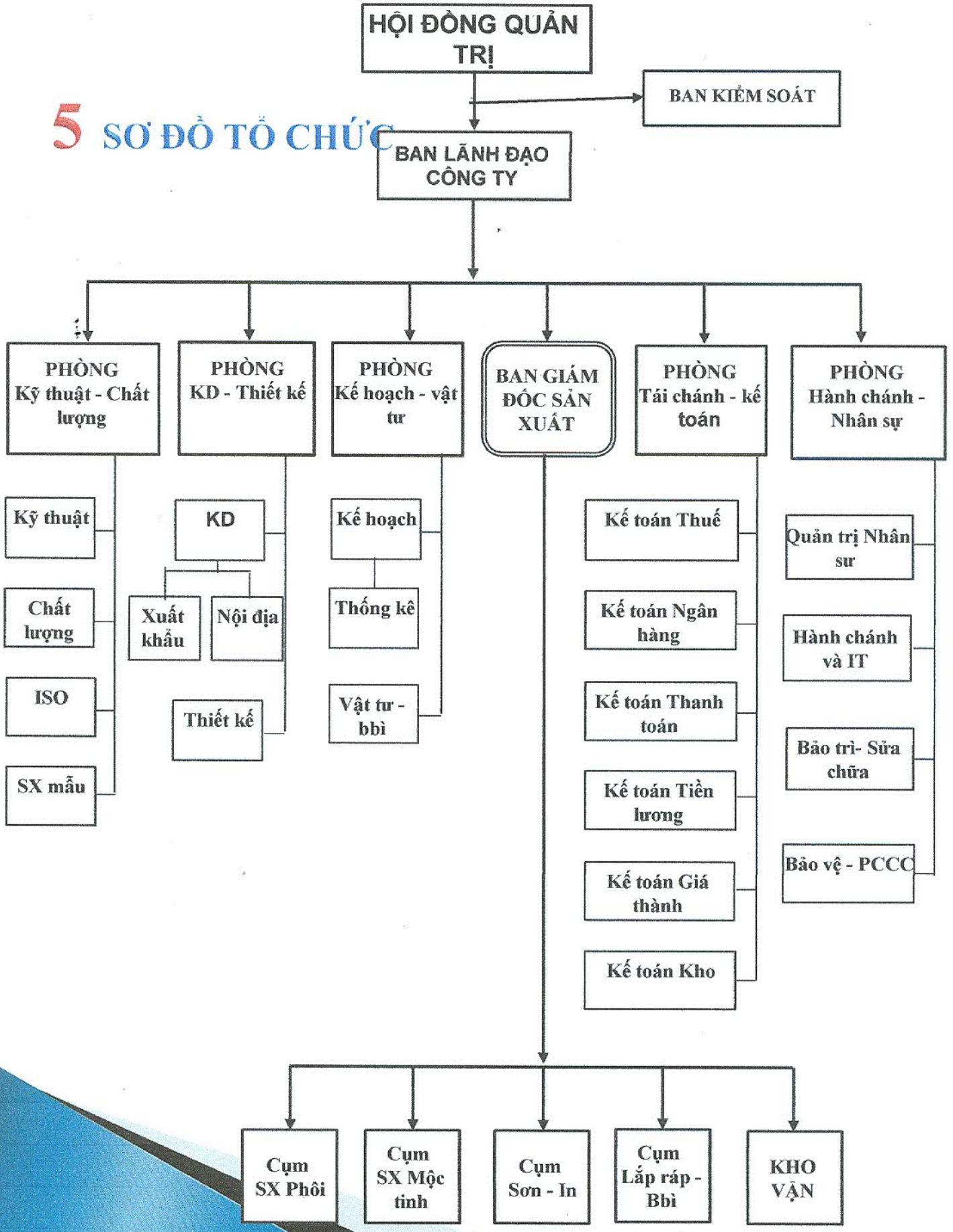
Minh bạch, lành mạnh, hướng đến sự phát triển bền vững.

Định hướng phát triển

Bước sang năm 2019, với Việt Nam đã ký hiệp định CPTPP ngành gỗ là một trong số ngành được hưởng chính sách ưu đãi về thuế. Do đó cơ hội tăng trưởng trong kinh doanh của công ty là rất lớn.

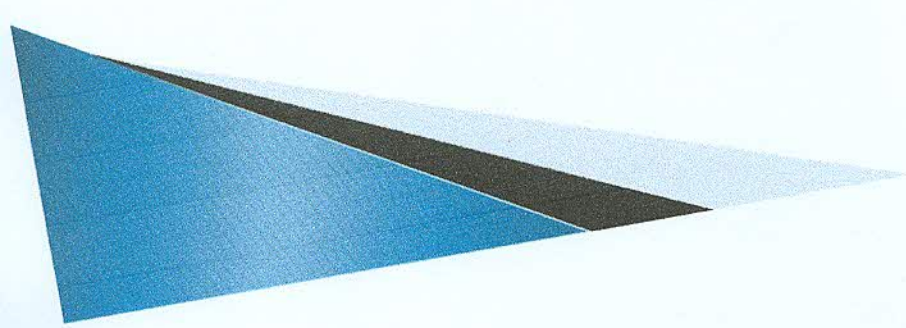


5 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

11
C
P
S
T



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ % TH/KH
1	Doanh thu thuần	183,457,137,50	0 200,702,640,327	109.40%
	Trong nước	172,431,363,53	6 194,466,423,599	112.78%
	Xuất khẩu	11,025,773,964	6,236,216,728	56.56%
2	Lợi nhuận trước thuế	58,309,615,009	71,112,238,753	121.96%
	Lợi nhuận kinh doanh sản phẩm chính	58,309,615,009	70,500,987,233	120.91%
	Lợi nhuận khác		611,251,520	
3	Lợi nhuận sau thuế	46,647,692,007	56,699,559,983	121.55%

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- CỔ PHẦN

- + Tổng số cổ phiếu phổ thông là : 6.863.200 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành là: 6.838.729 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu quỹ: 24.471 cổ phiếu

- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CHIÊM TỪ 5% CỔ PHẦN

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Đoàn Hương Sơn	27 Trần Quốc Hoàn, Cầu Giấy P503, C1B, TT Rau Quả, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	1,492,125	21.74%
2	Lê Duy Anh	P 904 CT 6 Mỹ Đình Sông Đà - Từ Liêm - Hà Nội	1,177,830	17.16%
3	Lê Thị Hồng Minh	503 C1B_TT Rau Quả, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	616,725	8.99%
4	Bùi Thị Hiền	P1106/C3 Mỹ đình 1, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm	783,250	11.41%
5	Trần Thị Thanh Hương	18 Đường 24A, KP5, Phường An Phú, Quận 2, TPHCM	612,500	8.92%
6	Nguyễn Tiến Thọ		343,500	5.00%
	Tổng cộng		5,025,930	73.23%

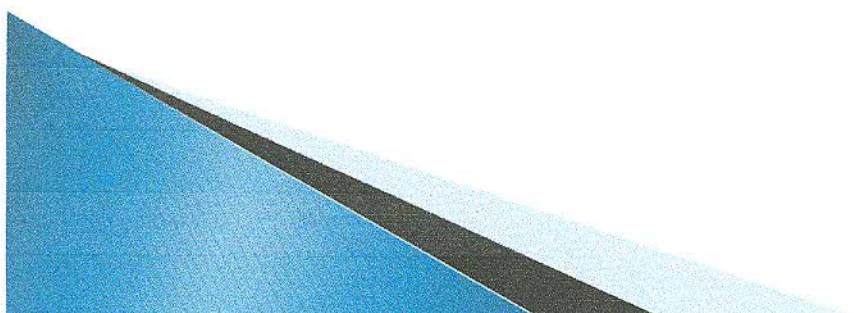
NHỮNG THAY ĐỔI VỀ CỔ ĐÔNG

- Những thay đổi về vốn cổ đông: Có
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- Các chứng khoán khác: Không có

CHI CỔ TỨC

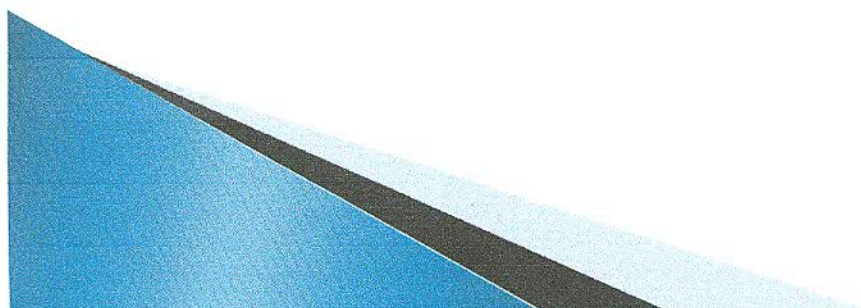
- Chi cổ tức 60% mệnh giá bằng tiền mặt thực hiện hoàn thành trong tháng 03.2018
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 mức 15% mệnh giá bằng tiền mặt thực hiện hoàn thành trong tháng 09.2018
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 mức 25% mệnh giá bằng cổ phiếu thực hiện hoàn thành tháng 11 năm 2019

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12



3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	114,794,046,301	176,836,637,672	154%
Doanh thu thuần	173,358,555,010	200,702,640,327	116%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	64,327,364,383	70,500,987,233	110%
Lợi nhuận khác	215,296,856	611,251,520	284%
Lợi nhuận trước thuế	64,542,661,239	71,112,238,753	110%
Lợi nhuận sau thuế	51,043,486,125	56,699,559,983	111%



4. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0.23	0.41	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn	2.39	1.42	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.23	0.41	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.30	0.71	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	6.29	6.26	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.51	1.13	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.29	0.28	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.58	0.55	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.44	0.32	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.37	0.35	

5. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

5.1 Nguồn nguyên liệu: Nguồn nguyên liệu chủ yếu sử dụng để sản xuất sản phẩm là gỗ các loại: gỗ cao su, gỗ dẻ gai, gỗ sồi sậy

5.2 Năng lượng tiêu thụ chủ yếu là nguồn điện

5.3 Tiêu thụ nước : Nguồn nước khoan lưu lượng 10m³/ngày đêm. Công ty không tái chế và tái sử dụng chỉ có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt qua hệ thống xử lý đạt chuẩn được xả thải vào nguồn thải của Nhà nước

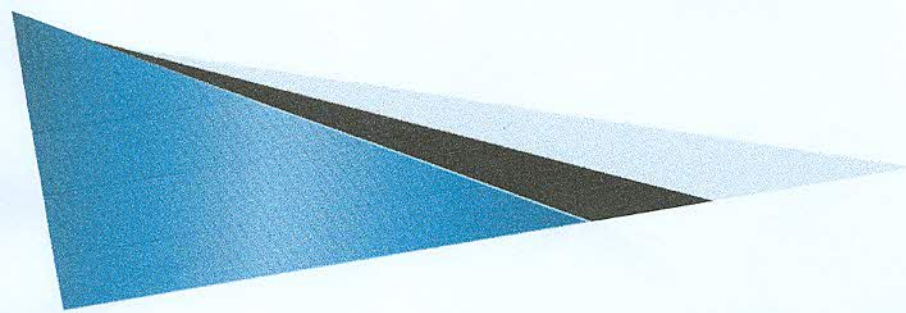
5.4 Công ty hoạt động luôn luôn tuân thủ theo luật bảo vệ môi trường theo quy định của Nhà nước.

5.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 450 lao động, thu nhập bình quân của lao động trực tiếp là 6.400.000 đồng; Khối gián tiếp là: 12.500.000 đồng.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Mọi hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật, và với người lao động luôn là sự quan tâm hàng đầu với người sử dụng lao động do đó mọi chế độ chính sách liên quan đến người lao động được quan tâm hàng đầu
- Hoạt động đào tạo người lao động
 - + Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: đối với công nhân trực tiếp sản xuất Công ty chú trọng đào tạo về an toàn lao động, PCCC, đào tạo kỹ năng nhận biết về chất lượng và hội nhập để Người lao động không bỏ ngỡ khi làm việc tại công ty.
 - + Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: đào tạo nội bộ và bên ngoài để nâng cao trình độ, khả năng và kỹ năng làm việc của quản lý cũng như nhân viên nhằm cải thiện năng suất chất lượng.

**BÁO CÁO HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ VÀ BAN
KIỂM SOÁT**

11/2011



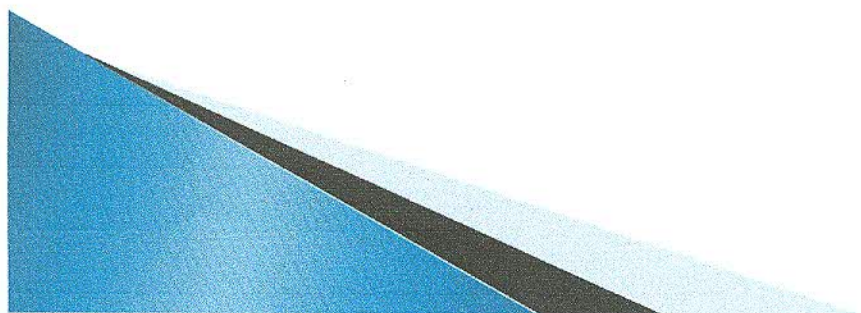
1. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động trong năm 2018

- ▶ Tổng kết năm 2018, tổng doanh thu đạt 200 tỷ đồng, tăng 9.4% so với kế hoạch, tăng 15.93% so với năm 2017 .
- ▶ Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 56.7 tỷ đồng , tăng 21.55% so với kế hoạch, tăng 11.08% so với năm 2017
- ▶ Tổng tiền thuế nộp vào ngân sách nhà nước 14.4 tỷ tăng 6.67% so với năm 2017
- ▶ Bên cạnh những con số tăng trưởng nêu trên thì xét về khía cạnh chi phí giá vốn ở mức 116 tỷ tăng 11.1% so với kế hoạch và tăng 20.8% so với năm 2017

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

- ▶ Làm nên thành công của Công ty trong năm vừa qua là sự đóng góp lớn của Ban điều hành , Hội đồng quản trị đánh giá các nỗ lực của Tổng giám đốc và ban điều hành các cấp trong suốt quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018
- ▶ Tổng giám đốc và ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua các giải pháp điều hành kịp thời , linh hoạt, phù hợp với chủ trương và định hướng của Hội đồng quản trị. Các chủ trương và chỉ đạo của Hội đồng quản trị đưa ra cũng được Ban điều hành triển khai đầy đủ và kịp thời , báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.
- ▶ Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn , linh hoạt trong công tác điều hành của Tổng giám đốc và ban điều hành sẽ góp phần gia tăng sự ổn định trong sản xuất, từng bước chinh phục các thị trường mới, các thị trường khó tính trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phức tạp.



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

3. Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018

- ▶ Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tiến hành 10 buổi họp và thông qua nhiều nội dung quan trọng sau:
 - ▶ - Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2018 và trình Đại hội đồng cổ đông
 - ▶ - Thông qua phương án chi tiết trả cổ tức đợt cuối năm 2017 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018
 - ▶ - Thông qua việc cải tổ bộ máy quản lý tại công ty
 - ▶ - Thông qua đầu tư mở rộng dự án mở rộng NHÀ MÁY NAM HOA củ chi với diện tích 18,485.72 m², Tại khu công Nghiệp Tân Phú Trung huyện củ Chi với tổng vốn đầu tư 150 tỷ đồng
 - ▶ - Và nhiều quyết định quan trọng khác

4. Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

- ▶ Năm 2018 đã kết thúc trong điều kiện tình hình quốc tế và trong nước có nhiều biến động. Chính phủ đã có những chỉ đạo kịp thời, điều hành chủ động nhằm kiểm soát lạm phát dưới mức 4%, ổn định kinh tế vĩ mô thúc đẩy tăng trưởng, Với chỉ tiêu tăng trưởng GDP là 6.7%
- ▶ Năm 2019 tình hình thế giới còn nhiều biến động rất khó lường, chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung quốc chưa có hồi kết. Việt nam đã chính thức gia nhập CPTPP đã đem đến cho Việt nam rất nhiều thuận lợi và cũng không ít khó khăn. Mục tiêu tăng trưởng GDP của Quốc hội năm 2019 dự kiến là 6.6-6.8%, Cpi dưới ngưỡng 4%.
- ▶ Từ những đánh giá qua những dự báo về tình hình kinh tế trên Hội đồng quản trị định hướng năm 2019 vẫn tập trung vào lĩnh vực sản xuất cốt lõi là đồ gỗ, cụ thể như sau:
 - ▶ - Đa dạng hóa các phẩm phẩm đầu ra để đáp ứng nhu cầu thị trường
 - ▶ - Sát sao chỉ đạo quản sát quản lý dự án đầu tư NHÀ MÁY NAM HOA tại củ chi đi vào hoạt động đúng tiến độ, đảm bảo các yêu cầu về môi trường và quản lý, giải quyết việc làm cho người lao động địa phương và tăng quy mô vị thế của Công ty.
 - ▶ - Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty, cải tiến kỹ thuật, tiếp tục ứng dụng công nghệ để nâng cao năng suất làm việc qua đó góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm.
 - ▶ - Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động cải thiện môi trường làm việc để Nam hoa luôn là môi trường hấp dẫn, nâng cao sức sáng tạo, công hiến cống hiến của người lao động đối với công ty.

2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Các hoạt động cụ thể của Ban Kiểm soát:

a) Thực hiện chức năng giám sát :

Ban Kiểm Soát đã chú trọng đến những hoạt động giám sát và kiểm tra hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng nghiệp vụ.

b) Công tác kiểm soát :

Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát nội bộ năm 2018 như sau :

Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và hằng năm của Công ty. Kiểm tra xem xét các mẫu biểu báo cáo tài chính, báo biểu báo cáo do phòng Tài chính- Kế toán Công ty lập.

Xem xét việc lập chứng từ kế toán, hạch toán kế toán đầy đủ, kịp thời theo chuẩn mực kế toán hiện hành.

2. Kết quả thẩm định của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh năm 2018:

2.1. Kiểm soát về kết quả kinh doanh năm 2018

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Vượt qua những khó khăn trong năm 2018. Công ty đã hoàn thành các chỉ kinh doanh, lợi nhuận.

Về kết quả kinh doanh và việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ % TH/KH
1	Doanh thu thuần	183,457,138,000	200,702,640,327	109,4%
	Trong nước	11,007,428,000	6,231,836,673	57%
	Xuất khẩu	172,449,709,000	194,470,803,654	113%
2	Lợi nhuận trước thuế	58,309,615,000	71,112,238,753	121,96%
3	Lợi nhuận sau thuế	46,647,692,000	56,699,559,983	121,5%

2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

- ▶ **2.2 Về công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Ban tổng giám đốc**
- ▶ Đã thực hiện đúng theo các qui định pháp luật hiện hành, Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- ▶ Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo và hoàn thành tốt các quyết định quan trọng mang tính chiến lược của HĐQT, ĐHCĐ.
- ▶ Thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất năm 2018, cụ thể doanh thu thực hiện 200,702,640,327 đồng tương ứng 109,4 % so với doanh thu kế hoạch.
- ▶ Cải tiến hệ thống quản lý điều hành sản xuất, cải tiến quy trình làm việc tại các bộ phận thực hiện hoàn thành các các mục tiêu sau đây :
- ▶ Quy trình quản lý và kiểm tra – kiểm soát giá mua hàng và chất lượng: từ khâu kế hoạch mua hàng theo định mức, giá cả cạnh tranh, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn, đáp ứng cung cấp cho nhà máy vừa đúng lúc. Đồng thời, quản lý quá trình cung cấp cho sản xuất và sử dụng hiệu quả, giảm thiểu tối đa mức hao hụt lãng phí NVL trong quá trình sản xuất.
- ▶ Quy trình quản lý và kiểm tra kiểm soát kế hoạch sản xuất : đảm bảo sản xuất đạt năng suất cao và tiến độ, đúng số lượng cần – không sản xuất dư thừa, không sử dụng lãng phí MMTB – CCDC - nguyên vật liệu - điện năng, nhiên liệu ...
- ▶ Quy trình quản lý và kiểm tra – kiểm soát năng suất lao động và chi phí nhân công : bố trí phân công sản xuất hợp lý, hạn chế tối đa làm ngoài giờ, không tăng ca ngoài giờ quá 02 giờ ngày, kiểm tra – kiểm soát
- ▶ thao tác và năng suất lao động, loại bỏ thao tác trùng lặp và thao tác thừa,
- ▶ Quy trình quản lý và kiểm tra – kiểm soát kỹ thuật – chất lượng hàng hóa : đảm bảo từng công đoạn sản xuất không bị sai hỏng, phần đầu không bị tái chế quá mức 1%/từng mặt hàng.
- ▶ Nghiên cứu cải tiến và ứng dụng hiệu quả các phương pháp sản xuất tiết kiệm nhất, cụ thể là : ứng dụng một cách hiệu quả hệ thống quản trị chất lượng ISO.9001.2008; các phương pháp quản lý sản xuất theo 5S và LEAN tại từng bộ phận sản xuất;
- ▶ Lao động
- ▶ Về chế độ chính sách cho người lao động: Các chế độ, quyền lợi lao động được thực hiện theo đúng Luật lao động hiện hành về tiền lương, BHXH, BHTN; các khoản khen thưởng, phúc lợi được thực hiện đầy đủ.

2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

▶ 2.3 Hội đồng quản trị:

- ▶ Đã thực hiện đúng theo các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- ▶ HĐQT đã đưa ra các chương trình và triển khai hoàn thành tốt các quyết định quan trọng mang tính chiến lược của ĐHCĐ và HĐQT.
- ▶ Kết hợp BTGD công ty tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2018 như đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

▶ 2.4 Tình hình tuân thủ pháp luật:

- ▶ Hoạt động của Công ty Nam Hoa tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại điều lệ tổ chức công ty và hoạt động đã được ĐHCĐ thông qua ban hành.

▶ 2.5 Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018.

- ▶ Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty và thống nhất như sau:
- ▶ Công tác kế toán: Việc tính toán ghi chép các số liệu trong báo cáo phản ánh trung thực đúng chế độ, nguyên tắc, sử dụng, luân chuyển, lưu trữ bảo quản, bảo đảm tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ.
- ▶ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐH ĐCĐ thường niên năm 2018.
- ▶ Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán VACO đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

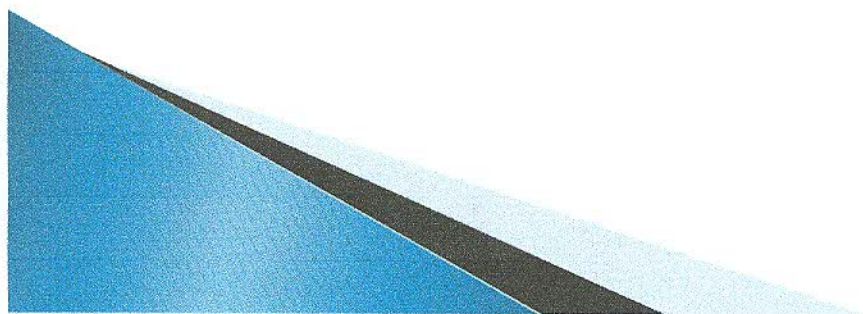
▶ **3. Sự phối hợp hoạt động của BKS với HĐQT và Ban tổng giám đốc**

- ▶ Ban kiểm soát đã phối hợp cùng với HĐQT, Ban TGD trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của mình.
- ▶ HĐQT và Ban TGD đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của mình. Tham gia các cuộc họp của HĐQT và được cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty.

2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

▶ II- KẾT LUẬN CHUNG - KIẾN NGHỊ :

- ▶ Ban Tổng giám đốc cần tiếp tục thực hiện các công việc sau:
- ▶ Tiếp tục cải tiến quy trình sản xuất: nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí nhân công, chi phí bán hàng, chi phí quản lý, thực hiện triệt để tiết kiệm,.
- ▶ Xử lý giảm hàng tồn kho: tận dụng các loại nguyên liệu, bán thành phẩm tồn kho để tái sản xuất, giảm giá trị hàng tồn kho.
- ▶ Đặc biệt quan tâm đến chất lượng sản phẩm nhằm tạo được sức cạnh tranh trên thị trường từ đó mở rộng thêm thị phần để đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra, đồng thời nâng cao sức cạnh tranh trong tình hình xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.
- ▶ Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cần tập trung nghiên cứu đầu tư phát triển thị trường trong và ngoài nước, cụ thể:
- ▶ Thị trường trong nước: Phát triển mạng lưới bán hàng trong nước nhằm nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường nội địa đem lại hiệu quả cho công ty. Đặc biệt quan tâm đến chất lượng sản phẩm nhằm tạo được sức cạnh tranh trên thị trường từ đó mở rộng thêm thị phần để đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra.
- ▶ **Thị trường xuất khẩu:** Tăng cường hoạt động tiếp thị để tìm kiếm khách hàng và phát triển thị trường Mỹ và Châu Âu (chú ý mở rộng sang thị trường Đông – Bắc Âu); Tăng cường chăm sóc khách hàng truyền thống (các khách Nichigan, Edute ... Nhật Bản, Rosendahl - Denmark, Stanley – USA) bằng các chính sách đãi ngộ về giá, về chất lượng, về tốc độ đáp ứng yêu cầu của khách hàng và hoàn thành các đơn đặt hàng đúng thời hạn.



2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

▶ III- KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2019 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

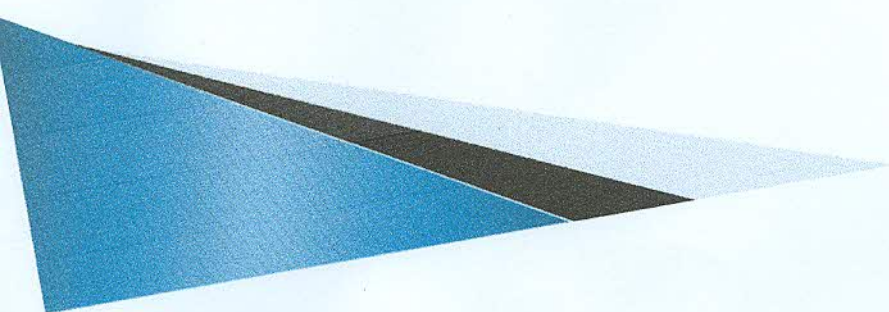
- ▶ Ban Kiểm soát Công ty thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, cụ thể :
- ▶ Giám sát HĐQT và BTGD về việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của HĐQT; công tác quản lý, điều hành công ty.
- ▶ Kiểm tra định kỳ hàng quý và đột xuất có liên quan đến công tác tổ chức, thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
- ▶ Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và hằng năm của Công ty trước khi đệ trình Hội đồng quản trị. Kiểm tra việc thực hiện các công việc tài chính kế toán.
- ▶ Xem xét, kiểm tra thực hiện hoạt động niêm yết cổ phiếu công ty Nam Hoa trên HNX.
- ▶ Xem xét báo cáo của Công ty kiểm toán và làm việc với các bên liên quan (HĐQT, Ban TGD, các nhà quản lý khác trực thuộc trong công ty đưa ra).
- ▶ Báo cáo quá trình quản lý công ty của HĐQT và điều hành của ban Tổng giám đốc; quá trình hoạt động kiểm soát theo điều lệ của Công ty trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ IV. BAN KIỂM SOÁT TỰ ĐÁNH GIÁ:

- ▶ Với sự hỗ trợ và phối hợp tốt của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng nghiệp vụ và tập thể người lao động trong Công ty, Ban Kiểm soát tự đánh giá đã hoàn thành nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Công ty.
- ▶ Ban Kiểm soát cam kết trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và tập thể người lao động sẽ phấn đấu hơn nữa để đáp ứng yêu cầu kiểm soát Công ty trong thời gian tới.
- ▶ Trên đây là báo cáo kiểm soát năm 2018 của Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU
HÀNH VÀ BÁO CÁO TÀI
CHÍNH KIỂM TOÁN**

3
5



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

Tháng 2 năm 2019



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

Số nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17,
Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Đoàn Hương Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2018
Ông Ngô Văn Hòa	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2018
Ông Lê Duy Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2018
Ông Đoàn Đồng Bằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2018
Ông Lê Duy Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2018
Ông Nguyễn Tiến Thọ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2018
Ông Ngô Văn Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2018
Bà Nguyễn Ánh Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Toàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2018
Ông Takano Satoshi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Thọ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2018
Ông Ngô Văn Hòa	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2018

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Tiến Thọ.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tiên Thọ
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Số: 010/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (“Công ty”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2019, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, tòa nhà TCT 319, số 63 Lê Văn Lương,
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84-24) 3577 0781
Fax: (84-24) 3577 0787

Văn phòng Đồng Nai

Số 79 đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560
Fax: (84-251) 382 8560

Văn phòng Hải Phòng

499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-225) 353 4655
Fax: (84-225) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo Kiểm toán số 17-01-458 ngày 25 tháng 01 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Đức Tiến
Giám đốc Chi nhánh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Nguyễn Ngọc Thạch
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		122.626.536.600	78.913.160.777
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	71.195.452.552	50.174.867.005
1. Tiền	111		7.355.452.552	10.174.867.005
2. Các khoản tương đương tiền	112		63.840.000.000	40.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.198.502.914	8.286.607.988
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	20.171.157.456	8.087.316.499
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	7.448.237.527	179.800.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	579.107.931	29.491.990
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(10.000.501)
III. Hàng tồn kho	140	8	18.538.166.699	15.270.084.040
1. Hàng tồn kho	141		19.782.211.792	16.384.906.441
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.244.045.093)	(1.114.822.401)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.694.414.435	5.181.601.744
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	826.413.802	387.708.425
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.868.000.633	4.793.893.319
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.210.101.072	35.880.885.524
I. Tài sản cố định	220		33.948.636.688	35.205.230.743
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	30.340.278.364	31.543.272.415
- Nguyên giá	222		55.622.253.639	55.073.892.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.281.975.275)	(23.530.620.132)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	3.608.358.324	3.661.958.328
- Nguyên giá	228		3.845.425.000	3.845.425.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(237.066.676)	(183.466.672)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		19.092.205.720	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	19.092.205.720	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.169.258.664	675.654.781
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.169.258.664	675.654.781
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		176.836.637.672	114.794.046.301

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		73.160.323.293	26.784.641.905
I. Nợ ngắn hạn	310		73.060.323.293	26.684.641.905
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	6.450.790.062	4.813.500.246
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	3.875.970.713	4.542.303.453
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	14.456.313.975	13.532.246.870
4. Phải trả người lao động	314		2.936.381.320	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	3.760.015.223	3.757.594.436
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		17.052.000	38.996.900
7. Vay ngắn hạn	320	17	41.563.800.000	-
II. Nợ dài hạn	330		100.000.000	100.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		100.000.000	100.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.676.314.379	88.009.404.396
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	103.676.314.379	88.009.404.396
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		68.632.000.000	54.954.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		68.632.000.000	54.954.910.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.044.314.379	33.054.494.396
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		228.374.396	33.054.494.396
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		34.815.939.983	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440 = 300 + 400)	440		176.836.637.672	114.794.046.301



Nguyễn Tiến Thọ
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Trịnh Hữu Ngân
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thiên Thanh
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		200.824.005.519	173.358.555.010
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		121.365.192	229.080.010
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	200.702.640.327	173.129.475.000
4. Giá vốn hàng bán	11	22	116.056.803.022	96.077.852.682
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		84.645.837.305	77.051.622.318
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.293.194.138	778.700.365
7. Chi phí tài chính	22	25	259.361.804	277.221.043
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		96.436.213	23.202.456
8. Chi phí bán hàng	25	26	6.439.961.387	3.937.804.614
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	9.738.721.019	9.287.932.643
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		70.500.987.233	64.327.364.383
11. Thu nhập khác	31		690.696.870	557.192.308
12. Chi phí khác	32		79.445.350	341.895.452
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		611.251.520	215.296.856
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		71.112.238.753	64.542.661.239
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	14.412.678.770	13.499.175.114
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		56.699.559.983	51.043.486.125
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	9.948	9.330



Nguyễn Tiên Thọ
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Trịnh Hữu Ngân
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thiên Thanh
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	71.112.238.753	64.542.661.239
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.796.088.384	4.053.113.189
- Các khoản dự phòng	03	119.222.191	(1.947.925.974)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(130.047.504)	18.573.553
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.495.323.949)	(607.954.870)
- Chi phí lãi vay	06	96.436.213	23.202.456
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	73.498.614.088	66.081.669.593
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(13.469.502.481)	1.254.568.363
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.397.305.351)	2.347.455.065
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.639.645.591	3.291.291.191
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(932.309.260)	(177.423.795)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(37.134.878)	(27.431.926)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.499.175.114)	(4.067.372.229)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	45.802.832.595	68.702.756.262
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(28.520.067.775)	(1.149.916.290)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	1.620.641.569	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.365.836.873	615.673.131
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.533.589.333)	(534.243.159)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	42.955.551.718	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.267.801.718)	(816.500.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(41.032.650.000)	(21.884.080.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	655.100.000	(22.700.580.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	20.924.343.262	45.467.933.103
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	50.174.867.005	4.711.336.963
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	96.242.285	(4.403.061)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	71.195.452.552	50.174.867.005



Nguyễn Tiên Thọ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Trịnh Hữu Ngân
Kế toán trưởng

Nguyễn Thiên Thanh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303292182, ngày 11 tháng 5 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 08 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 501 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 401 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là dịch vụ thương mại.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ dùng gia đình, trang trí nội thất và các sản phẩm đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,

b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;

c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25
Máy móc, thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài nên không thực hiện trích khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trong năm, Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu xuất khẩu tại thời điểm xuất hàng ra khỏi kho và xuất hóa đơn. Tổng Giám đốc đánh giá thời gian vận chuyển hàng tới cảng là ngắn, chưa từng xảy ra rủi ro trên đường vận chuyển tới cảng làm ảnh hưởng tới việc ghi nhận doanh thu và Công ty áp dụng nhất quán chính sách như đã nêu qua các năm. Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu sớm như trên là phù hợp và phản ánh đúng doanh thu thực tế của Công ty.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ngoại tệ (Tiếp theo)**

ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	416.759.444	184.114.183
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.938.693.108	9.990.752.822
Các khoản tương đương tiền	63.840.000.000	40.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	63.840.000.000	40.000.000.000
Cộng	71.195.452.552	50.174.867.005

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Rosendahl Design Group	16.351.544.082	5.688.087.753
Stanley Black & Decker, Inc.	1.757.958.758	1.631.972.338
Các khách hàng khác	2.061.654.616	767.256.408
Cộng	20.171.157.456	8.087.316.499

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Quốc tế GP	6.741.112.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC	112.000.000	112.000.000
Công ty Cổ phần hệ Thống Thông tin EPACIFIC	44.000.000	44.000.000
Công ty TNHH Du lịch và Hợp tác Quốc tế UNI	-	23.800.000
Các nhà cung cấp khác	551.125.527	-
Cộng	7.448.237.527	179.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Ngắn hạn</i>				
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	170.551.233	-	-	-
- Tạm ứng (i)	383.570.774	-	19.500.000	-
- Phải thu khác	24.985.924	-	9.991.990	-
Cộng	579.107.931	-	29.491.990	-

(i) Trong đó số dư tạm ứng cuối năm của ông Nguyễn Tiến Thọ - Tổng Giám đốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 300.000.000 VND.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường;	1.166.444.008	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	7.829.886.972	232.830.488	4.842.866.140	250.322.640
Công cụ, dụng cụ	288.740.990	31.921.844	287.194.383	36.258.848
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.576.646.175	-	5.776.694.682	-
Thành phẩm	5.920.493.647	979.292.761	4.470.109.709	828.240.913
Hàng gửi bán	-	-	1.008.041.527	-
Cộng	19.782.211.792	1.244.045.093	16.384.906.441	1.114.822.401

Trong năm Công ty trích lập dự phòng bổ sung cho một số mặt hàng tồn kho bị hư hỏng và hoàn nhập giá trị dự phòng cho một số mặt hàng đã tiêu thụ được. Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	1.114.822.401	3.062.748.375
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(162.425.107)	(2.155.090.526)
Trích lập dự phòng trong năm	291.647.799	207.164.552
Số cuối năm	1.244.045.093	1.114.822.401

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	826.413.802	387.708.425
Công cụ dụng cụ xuất dùng	217.338.117	151.146.991
Chi phí bảo hiểm	81.387.016	63.742.002
Các khoản khác	527.688.669	172.819.432
<i>b) Dài hạn</i>	1.169.258.664	675.654.781
Công cụ dụng cụ xuất dùng	558.653.807	574.242.541
Các khoản khác	610.604.857	101.412.240
Cộng	1.995.672.466	1.063.363.206

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	36.645.506.825	14.919.433.231	3.263.435.247	245.517.244	55.073.892.547
- Mua trong năm	447.740.090	3.028.705.420	724.754.545	-	4.201.200.055
- Thanh lý, nhượng bán	-	(901.874.621)	(2.719.154.818)	(31.809.524)	(3.652.838.963)
Số dư cuối năm	37.093.246.915	17.046.264.030	1.269.034.974	213.707.720	55.622.253.639
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	10.702.879.254	11.157.973.740	1.482.842.037	186.925.101	23.530.620.132
- Khấu hao trong năm	2.011.077.587	1.635.945.264	69.827.277	25.638.252	3.742.488.380
- Thanh lý, nhượng bán	-	(901.874.621)	(1.057.449.092)	(31.809.524)	(1.991.133.237)
Số dư cuối năm	12.713.956.841	11.892.044.383	495.220.222	180.753.829	25.281.975.275
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	25.942.627.571	3.761.459.491	1.780.593.210	58.592.143	31.543.272.415
Tại ngày cuối năm	24.379.290.074	5.154.219.647	773.814.752	32.953.891	30.340.278.364

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với giá trị là 6.166.673.138 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.293.085.727 VND).

Nhà cửa vật kiến trúc đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (Xem thuyết minh số 17).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	3.465.425.000	380.000.000	3.845.425.000
Số dư cuối năm	3.465.425.000	380.000.000	3.845.425.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	183.466.672	183.466.672
- Khấu hao trong năm	-	53.600.004	53.600.004
Số dư cuối năm	-	237.066.676	237.066.676
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	3.465.425.000	196.533.328	3.661.958.328
Tại ngày cuối năm	3.465.425.000	142.933.324	3.608.358.324

Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với giá trị là 112.000.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018: 112.000.000 VND).

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (Xem thuyết minh số 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang Dự án xây dựng nhà máy Nam Hoa tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian dự kiến nghiệm thu toàn công trình trước ngày 01 tháng 4 năm 2019.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	Trả nợ	Giá trị	Trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đại Kinh Bắc	1.027.763.154	1.027.763.154	1.028.481.495	1.028.481.495
Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Phúc Thịnh	974.809.308	974.809.308	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ An Thịnh Phúc	563.705.835	563.705.835	651.666.708	651.666.708
Công ty TNHH Gỗ Phương Đông	556.295.579	556.295.579	548.214.093	548.214.093
Các nhà cung cấp khác	3.328.216.186	3.328.216.186	2.585.137.950	2.585.137.950
Cộng	6.450.790.062	6.450.790.062	4.813.500.246	4.813.500.246

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Stanley Works (Eurpe) Ag	1.249.934.174	1.225.086.736
Nichigan Original Co., Ltd	801.982.649	734.471.161
Kukkia Co., Ltd	538.005.000	688.311.238
Các khách hàng khác	1.286.048.890	1.894.434.318
Cộng	3.875.970.713	4.542.303.453

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	859.455.876	859.455.876	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	190.740.211	190.740.211	-
Thuế thu nhập cá nhân	33.071.756	2.513.403.155	2.502.839.706	43.635.205
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.499.175.114	14.412.678.770	13.499.175.114	14.412.678.770
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	13.532.246.870	17.980.278.012	17.056.210.907	14.456.313.975

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền lương, thưởng	3.518.668.434	3.527.594.432
Chi phí phải trả khác	241.346.789	230.000.004
Cộng	3.760.015.223	3.757.594.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị VND	VND			Giá trị VND	VND
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn	-	-	42.955.551.718	(1.391.751.718)	41.563.800.000	41.563.800.000
Cộng	-	-	42.955.551.718	(1.391.751.718)	41.563.800.000	41.563.800.000

Vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn theo Hợp đồng vay số CLN/000239/16 ngày 29/07/2016 nhằm tài trợ cho việc thanh toán nhập khẩu/ mua hàng hóa/ nguyên vật liệu và bổ sung vốn lưu động với hạn mức là 42.000.000.000 VND, lãi suất theo từng kế ước vay và tùy thuộc và từng thời kỳ, thời hạn vay không quá 12 tháng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ 71/4a khu phố 7, Đường Hiệp Thành 13, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (Xem thuyết minh số 10 và 11).

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm trước	54.954.910.000	3.895.088.271	58.849.998.271
Lợi nhuận trong năm trước	-	51.043.486.125	51.043.486.125
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	(21.884.080.000)	(21.884.080.000)
Số dư cuối năm trước	54.954.910.000	33.054.494.396	88.009.404.396
Lợi nhuận trong năm	-	56.699.559.983	56.699.559.983
Tăng vốn từ lợi nhuận (i)	13.677.090.000	(13.677.090.000)	-
Chia cổ tức, lợi nhuận (i)	-	(41.032.650.000)	(41.032.650.000)
Số dư cuối cuối năm	68.632.000.000	35.044.314.379	103.676.314.379

(i) Trong năm Công ty đã chia cổ tức đợt 02 năm 2017 cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ – ĐHĐCĐ.2018 ngày 31 tháng 01 năm 2018 với mức 6.000 VND/cổ phiếu, với tổng giá trị cổ tức là 32.826.120.000 VND, giá trị này đã được thanh toán trong năm 2018.

Đồng thời Công ty tạm ứng cổ tức cho các cổ đông đợt 1 năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ – ĐHĐCĐ.2018 ngày 28 tháng 7 năm 2018 theo hai hình thức bằng tiền và bằng cổ phiếu. Trong đó, đã tạm ứng cổ tức bằng tiền với mức 1.500 VND/cổ phiếu, với tổng giá trị cổ tức là 8.206.530.000 VND và tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu với mức 25%/mệnh giá, với tổng giá trị cổ tức là 13.677.090.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)*Vốn điều lệ*

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303292182 sửa đổi lần 07 ngày 08 tháng 11 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 68.632.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Tỉ lệ	Số cổ phiếu	Tỉ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Đoàn Hương Sơn	1.492.125	21,74%	1.193.700	21,72%
Ông Lê Duy Anh	1.177.830	17,16%	942.264	17,15%
Bà Trần Thị Thanh Hương	612.500	8,92%	690.900	12,57%
Bà Bùi Thị Hiên	783.250	11,41%	425.700,00	7,75%
Bà Lê Thị Hồng Minh	616.725	8,99%	398.900	7,26%
Ông Nguyễn Tiến Thọ	343.500	5,00%	274.800	5,00%
Các cổ đông khác	1.837.270	26,77%	1.569.227	28,55%
Tổng cộng	6.863.200	100,00%	5.495.491	100,00%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng Cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.863.200	5.495.491
+ Cổ phiếu phổ thông	6.863.200	5.495.491
- Số lượng cổ phiếu quỹ	24.471	24.471
+ Cổ phiếu phổ thông	24.471	24.471
- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành	6.838.729	5.471.020
+ Cổ phiếu phổ thông	6.838.729	5.471.020

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	275.415,81	419.600,80
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	2.233,06	720,56

20. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh các mặt hàng từ gỗ tạo ra toàn bộ doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất các mặt hàng từ gỗ và bán hàng trong một khu vực địa lý là thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	200.824.005.519	173.358.555.010
Doanh thu bán thành phẩm	200.824.005.519	173.358.555.010
Các khoản giảm trừ doanh thu	121.365.192	229.080.010
- Hàng bán bị trả lại	121.365.192	229.080.010
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	200.702.640.327	173.129.475.000

Trong đó doanh thu bán thành phẩm cho bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thương mại Trảng An - Việt Nam	470.642.950	-

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm	115.927.580.330	98.025.778.656
Trích bổ sung/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	129.222.692	(1.947.925.974)
Cộng	116.056.803.022	96.077.852.682

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.147.988.231	55.646.865.243
Chi phí nhân công	57.771.894.736	46.367.341.831
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.796.088.384	4.053.113.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.680.887.091	5.679.297.172
Chi phí khác bằng tiền	1.202.222.901	1.398.984.815
Cộng	129.599.081.343	113.145.602.250

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.536.388.106	615.673.131
Lãi chênh lệch tỷ giá	586.489.810	163.027.234
Doanh thu tài chính khác	170.316.222	-
Cộng	2.293.194.138	778.700.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	96.436.213	23.202.456
Lỗi chênh lệch tỷ giá	162.680.991	250.714.087
Chi phí tài chính khác	244.600	3.304.500
Cộng	259.361.804	277.221.043

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.585.131.247	1.310.566.447
Chi phí vật liệu, bao bì	212.019.018	17.822.321
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	45.078.063	68.199.533
Chi phí khấu hao TSCĐ	61.557.498	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.284.863.007	1.898.718.181
Các khoản chi phí bán hàng khác	251.312.554	642.498.132
Cộng	6.439.961.387	3.937.804.614
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	6.325.770.036	6.569.730.409
Chi phí vật liệu quản lý	220.869.133	248.240.734
Chi phí đồ dùng văn phòng	146.562.377	120.573.950
Chi phí khấu hao TSCĐ	149.460.028	537.830.724
Thuế, phí và lệ phí	55.312.521	29.230.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.967.167.150	1.185.011.759
Các khoản chi phí QLDN khác	873.579.774	597.314.594
Cộng	9.738.721.019	9.287.932.643

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	71.112.238.753	64.542.661.239
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>951.155.096</i>	<i>2.953.214.332</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	72.063.393.849	67.495.875.571
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	<i>72.063.393.849</i>	<i>67.495.875.571</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	14.412.678.770	13.499.175.114

Ngoài khoản chi phí không được khấu trừ nêu trên, Công ty xác định không có khoản chi phí nào khác nữa mà không được khấu trừ. Tuy nhiên, việc xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ tùy thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.699.559.983	51.043.486.125
Lợi nhuận bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	56.699.559.983	51.043.486.125
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.699.596	5.471.020
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.948	9.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc giữa niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	41.563.800.000	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	71.195.452.552	50.174.867.005
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	103.676.314.379	88.009.404.396
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.195.452.552	50.174.867.005	71.195.452.552	50.174.867.005
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.366.694.613	8.097.308.489	20.366.694.613	8.097.308.489
Tổng cộng	91.562.147.165	58.272.175.494	91.562.147.165	58.272.175.494
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	41.563.800.000	-	41.563.800.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	6.550.790.062	4.913.500.246	6.550.790.062	4.913.500.246
Chi phí phải trả	3.760.015.223	3.757.594.436	3.760.015.223	3.757.594.436
Tổng cộng	51.874.605.285	8.671.094.682	51.874.605.285	8.671.094.682

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

Số cuối năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.195.452.552	-	-	71.195.452.552
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.366.694.613	-	-	20.366.694.613
Tổng cộng	91.562.147.165	-	-	91.562.147.165
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	41.563.800.000	-	-	41.563.800.000
Phải trả người bán và phải trả khác	6.450.790.062	100.000.000	-	6.550.790.062
Chi phí phải trả	3.760.015.223	-	-	3.760.015.223
Tổng cộng	51.774.605.285	100.000.000	-	51.874.605.285
Chênh lệch thanh khoản thuần	39.787.541.880	(100.000.000)	-	39.687.541.880
Số đầu năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.174.867.005	-	-	50.174.867.005
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.097.308.489	-	-	8.097.308.489
Tổng cộng	58.272.175.494	-	-	58.272.175.494
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	4.813.500.246	100.000.000	-	4.913.500.246
Chi phí phải trả	3.757.594.436	-	-	3.757.594.436
Tổng cộng	8.571.094.682	100.000.000	-	8.671.094.682
Chênh lệch thanh khoản thuần	49.701.080.812	(100.000.000)	-	49.601.080.812

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trong năm

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Trảng An - Việt Nam	Chủ tịch HĐQT là Tổng Giám đốc của công ty liên quan
Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc	Thành viên chủ chốt

Trong năm, ngoài các giao dịch và số dư với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 7 và 21, Công ty có giao dịch trọng yếu sau với bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Ông Ngô Văn Hòa - Thành viên HĐQT		
Bán tài sản cố định	1.510.641.569	-
Ông Nguyễn Tiến Thọ - Tổng Giám		
Tạm ứng tiền	300.000.000	-
Các cổ đông		
Thanh toán cổ tức	41.032.650.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thương mại Trảng An - Việt Nam	470.642.950	-

Thu nhập Tổng Giám đốc và thù lao HĐQT được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng thu nhập và thù lao	2.485.149.724	2.835.259.000

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm khoản mua tài sản nhưng chưa trả tiền tại ngày 31/12/2018 với số tiền là 201.850.000 VND (31/12/2017: 0 VND) và khoản ứng trước cho nhà thầu xây dựng cơ bản tại ngày 31/12/2018 với số tiền là 6.890.112.000 VND (31/12/2017: 1.461.600.000 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu, phải trả.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi

Công ty kiểm toán khác.



Nguyễn Tiến Thọ
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Trịnh Hữu Ngân
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thiên Thanh
 Người lập biểu

